

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3-VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2025

“V/v Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3-VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ T.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bá T;

Ông Trần Thanh T.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Ngọc P – Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 3-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 3-Vĩnh Long: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 3-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 101/2025/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1975 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Địa chỉ hiện nay: Ấp H, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng N**, sinh năm 1980 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Địa chỉ hiện nay: Ấp H, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2025, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:* Vào năm 2018, chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Hoàng N do quen biết và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn số 46, ngày 26/6/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Trong thời gian

chung sống vợ chồng không có con chung, không tạo tập được tài sản chung và không có nợ chung. Mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và chị H với anh N đã sống ly thân khoảng 03 năm. Nay chị Bùi Thị H xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được nên yêu cầu Toà án nhân dân Khu vực 3-Vĩnh Long giải quyết các vấn đề sau:

+ Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp H, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long).

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 29 tháng 5 năm 2025 và ngày 13 tháng 6 năm 2025 nhưng anh Nguyễn Hoàng N vắng mặt không lý do.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn trình bày: Xin vắng mặt.

- Bị đơn trình bày: Vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có đăng ký thường trú tại phường Đ, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3-Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Bùi Thị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm đề ngày 25 tháng 4 năm 2025.

Anh Nguyễn Hoàng N được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa hôn nhân sơ thẩm lần 1 vào ngày 02 tháng 7 năm 2025 nhưng anh N vắng mặt không có lý do nên Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2025 và ấn định ngày mở phiên tòa lần 2 vào ngày 28 tháng 7 năm 2025 nhưng anh Nguyễn Hoàng N vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì việc vắng mặt của đương sự nêu trên là không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Hoàng N được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp

pháp được pháp luật bảo vệ. Đã là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình được quy định tại khoản 1, Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Trong cuộc sống hôn nhân của chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Hoàng N đã xảy ra sự việc vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cự cãi làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị H là phù hợp quy định tại khoản 1, Điều 9 và Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Hoàng N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Bùi Thị H là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 35, 39 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 19, 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng N.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị Bùi Thị H được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005617, ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Vậy chị Bùi Thị H đã nộp xong án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL: 01
- VKSND KV3-VL: 01
- Phòng THADS KV3-VL: 01
- UBND phường Đông Thành: 01
- Đương sự: 02
- Lưu: 04

Nguyễn Thị Lệ T